



ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
Y TẾ VIỆT NHẬT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG.....	1
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	1
Tóm tắt thông tin tài chính 3 năm	1
2. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	1
Thông tin chung.....	1
Lịch sử hình thành và phát triển	2
Thông tin cổ phần và cổ đông.....	3
Cơ cấu tổ chức và quản lý	4
Mô hình hoạt động và sơ đồ tổ chức.....	4
Bộ máy quản lý	5
3. SẢN PHẨM TIÊU BIỂU VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	7
Sản phẩm tiêu biểu	7
Địa bàn kinh doanh	9
4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024	9
Tổng quan hoạt động kinh doanh Công ty	9
Tình hình hoạt động kinh doanh.....	9
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	11
Các công ty con, công ty liên kết	11
Tổ chức và Nhân sự	13
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty liên quan đến môi trường và xã hội.....	13
5. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
6. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	17
7. QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
Báo cáo quản trị công ty	19
Báo cáo quản trị rủi ro	22
8. CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TẦM NHÌN 5 NĂM	22
9. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2024.....	24

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nhìn lại năm 2024:

Năm 2024 là năm thứ ba JVC triển khai OKRs - một phương thức quản trị mới tại Việt Nam và xây dựng rõ nét văn hóa đào tạo nội bộ, người JVC vui vẻ - thân thiện - hòa đồng. Kim chỉ nam xuyên suốt trong cả năm 2024 của JVC là: “Chuyển mình - Tốc độ - Đột phá”. Công ty đã tận dụng được các cơ hội của thị trường, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tăng doanh thu, kiểm soát và tiết kiệm chi phí trong quản trị, điều hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng vấp phải rất nhiều khó khăn do thị trường thiết bị y tế là thị trường có sự cạnh tranh rất khốc liệt của các hãng vật tư thiết bị y tế; chịu sự chi phối nhiều của cơ chế, chính sách, tốc độ giải ngân, quy định đấu thầu nghiêm ngặt. Tuy nhiên, dưới sự dẫn dắt của HĐQT, với sự nỗ lực, kiên trì của Ban điều hành cùng toàn bộ nhân viên, Công ty đã đạt được một số kết quả về doanh số, lợi nhuận như sau:

- Doanh thu thuần 2024: 611,54 tỷ đồng, đạt ~96% so với kế hoạch của ĐHCĐ thường niên 2024.
- Lợi nhuận sau thuế 2024: 40,2 tỷ đồng

Tóm tắt thông tin tài chính 3 năm

Bảng 1. Chỉ tiêu tài chính cơ bản (Giai đoạn 2022 - 2024)

Chỉ tiêu	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	396.301.043.970	576.287.155.805	611.540.459.301
Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	22.451.314.036	55.924.271.928	58.865.008.889
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế	21.729.367.733	52.639.842.397	40.282.230.794
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	193	468	359
Tổng tài sản	591.198.359.102	686.676.856.095	828.102.672.175
Tổng nợ phải trả	144.492.669.360	187.331.323.956	288.286.032.550
Vốn chủ sở hữu	446.705.689.742	499.345.532.139	539.681.628.200
Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	0,76	0,73	0,65
Tổng nợ/ Tổng tài sản	0,24	0,27	0,35
ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	4%	8%	5%
ROA (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	5%	11%	7%

2. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Thông tin chung

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật
- Tên tiếng Anh: Japan Viet Nam Medical Investment And Development Joint Stock Company

- Tên viết tắt: JVC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số và mã số thuế: 0101178800
- Vốn điều lệ: 1.125.001.710.000 đồng
- Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Số điện thoại: 024.3683.0516
 - Số fax: 024.3683.0578
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:
 - Địa chỉ: Số 218 Trần Hưng Đạo, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
 - Số điện thoại: 028.3920.7283 & 028.3920.7184
 - Số fax: 028.3920.5873
- Website: www.ytevietnhat.com.vn

Lịch sử hình thành và phát triển

- 2001: Thành lập Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật
- 2004: Thành lập VPDD Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại Thành phố Hồ Chí Minh
- 2006: Thành lập Công ty TNHH Kyoto Medical Science (chủ sở hữu là Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật)
- 2010: Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- 2011: Niêm yết toàn bộ 24.200.000 cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- 2011: Công ty tăng vốn từ 224.000.000.000 đồng lên 322.000.000.000 đồng
- 2012: Công ty tăng vốn từ 322.000.000.000 đồng lên 354.199.990.000 đồng
- 2013: Công ty tăng vốn từ 354.199.990.000 đồng lên 568.185.300.000 đồng
- 2014: Công ty phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và phát hành riêng để tăng vốn từ 568.185.300.000 đồng lên 1.125.001.710.000 đồng
- 2017: Thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công Ty cổ phần Thiết Bị Y Tế Việt Nhật
- 2017: Chuyển trụ sở chính thức về Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- 2018: Thay đổi địa chỉ Công ty về Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- 2021: Thay đổi tên Công ty, tên Công ty hiện tại: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật

Thông tin cổ phần và cổ đông

- Mã cổ phiếu: JVC
- Được niêm yết ngày 21/06/2011 trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh ('HOSE')
- Năm tài chính kết thúc ngày: 31/12
- Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Viet CPA)
- Tổng khối lượng cổ phiếu đã phát hành và niêm yết: 112.500.171 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu phổ thông: 112.500.171 cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 112.500.171 cổ phiếu
- Vốn hóa tại ngày 31/12/2024: 427,5 tỷ VNĐ (Giá cổ phiếu tại 31/12/2024: 3.800 đồng/cổ phiếu)
- Giá cao nhất giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024: 4.020 đồng
- Giá thấp nhất giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024: 2.950 đồng
- Cơ cấu cổ đông của JVC: theo danh sách của VSD chốt tại ngày 07/05/2024:

STT	Nội dung	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)		
	- Trong nước	17.000.000	15,11%
	- Nước ngoài	0	0
2	Cổ phiếu quỹ	0	0
	Cổ đông khác ($< 5\%$)	95.500.171	84,89%
	- Trong nước	94.382.834	83,90%
	- Nước ngoài	1.117.337	0,99%
3	TỔNG CỘNG	112.500.171	100
	Trong đó:		
	- Trong nước	111.382.834	99,01%
	- Nước ngoài	1.117.337	0,99%

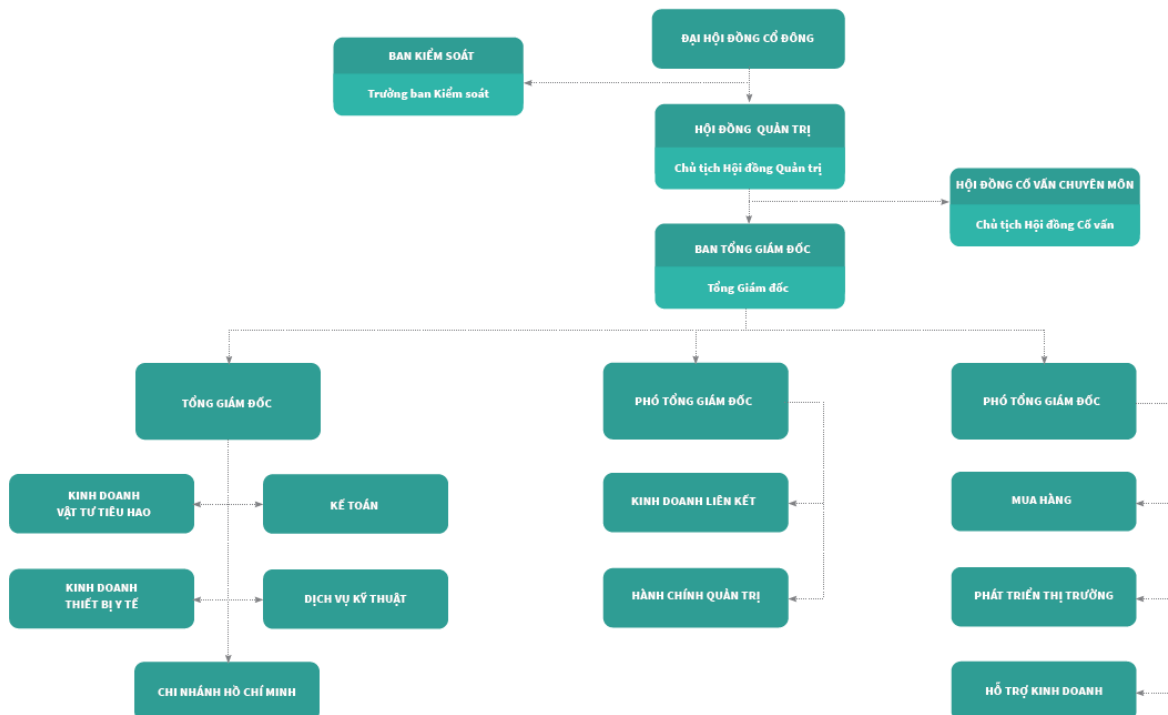
- Cổ đông lớn:

STT	Mã cổ phiếu	Cá nhân/Tổ chức	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ
1	JVC	CT CP Quản lý và Đầu tư DTN Việt Nam	15,11%

- Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ Cổ đông:
 - Email: qhcd@ytevietnhat.com.vn
 - Website Quan hệ cổ đông: <https://ytevietnhat.com.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>

Cơ cấu tổ chức và quản lý

Mô hình hoạt động và sơ đồ tổ chức



Bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị:

- 1. Ông Nguyễn Hải Hà: Chủ tịch HĐQT (bầu là Thành viên HĐQT từ 19/05/2023)**
 - Trình độ: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
 - Chuyên môn: Kinh doanh
 - Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Công ty Cổ phần Nước tinh khiết Ốc Đảo Xanh
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Người đại diện theo Pháp luật Công ty Cổ phần Savico Hà Nội, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco.
- 2. Ông Phạm Thanh Nam: Phó Chủ tịch HĐQT (bầu là Thành viên HĐQT từ 10/12/2021)**
 - Trình độ: Cử nhân
 - Chuyên môn: Kinh doanh
 - Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại Công ty Bảo hiểm BIDV
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
- 3. Ông Nguyễn Thi Phương: Thành viên HĐQT (bầu là Thành viên HĐQT từ 10/12/2021)**
 - Trình độ: Cử nhân
 - Chuyên môn: Cử nhân triết học
 - Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Công ty CP Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật
- 4. Bà Nguyễn Thị Hạnh: Thành viên HĐQT (bầu là Thành viên HĐQT từ 10/12/2021)**
 - Trình độ: Thạc sỹ
 - Chuyên môn: Dược sỹ
 - Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm làm việc tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Dũng, công ty Cổ phần Dược phẩm IC Việt Nam
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần đầu tư và Dược phẩm Trung Dũng

5. Ông Nguyễn Văn Chi: Thành viên HĐQT độc lập (bầu là Thành viên HĐQT từ 13/06/2024)

- Trình độ: PGS.TS
- Chuyên môn: Hồi sức cấp cứu
- Kinh nghiệm làm việc: Y tế
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

Ban Tổng Giám đốc:

- 1. Ông Phạm Thanh Nam: Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 22/2/2023)**
- 2. Ông Vũ Văn Toàn: Phó Tổng Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ 02/05/2024)**
- 3. Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa: Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 06/05/2022)**

Ban Kiểm soát:

- 1. Ông Nguyễn Văn Vỹ: Trưởng BKS (Bầu là Thành viên BKS từ 10/12/2021)**
 - Trình độ: Cử nhân
 - Chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp
 - Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm làm việc tại Công ty Cổ phần Sông Đà 909, Công ty CP Global Link
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
- 2. Bà Đặng Thị Hà Giang: Thành viên BKS (Bầu là Thành viên BKS từ 10/12/2021)**
 - Trình độ: Cử nhân
 - Chuyên môn: Kinh tế
 - Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại các Công ty CP Quảng cáo trực tuyến 24h, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
- 3. Bà Nguyễn Thị Tiến Chi: Thành viên BKS (Bầu là Thành viên BKS từ 10/12/2021)**
 - Trình độ: Cử nhân kinh tế
 - Chuyên môn: Tài chính ngân hàng
 - Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại Công ty CP Viettime Holdings, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

Những thay đổi trong Bộ máy quản lý:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Bầu/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hải Hà	CT HĐQT	Bầu ngày 23/05/2023
	TV HĐQT	Bầu ngày 19/05/2023

Bà Nguyễn Thị Hạnh	CT HĐQT	Miễn nhiệm ngày 23/05/2023
	TV HĐQT	Bầu ngày 10/12/2021
Ông Phạm Thanh Nam	Phó CT HĐQT	Bầu ngày 03/08/2022
	TV HĐQT	Bầu ngày 10/12/2021
Ông Nguyễn Thị Phương	TV HĐQT	Bầu ngày 10/12/2021
Ông Nguyễn Văn Chi	TV HĐQT độc lập	Bầu ngày ngày 13/06/2024
Ông Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập	Bầu ngày 29/07/2022
		Miễn nhiệm ngày 13/06/2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Trưởng ban	Bầu ngày 10/12/2021
	Thành viên	Bầu ngày 10/12/2021
Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên	Bầu ngày 10/12/2021
Bà Nguyễn Thị Tiến Chi	Thành viên	Bầu ngày 10/12/2021

Ban Điều hành

Họ và tên	Chức danh	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phạm Thanh Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/02/2023
Ông Vũ Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02/05/2024
Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/05/2022
Ông Bùi Tuấn Duy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/06/2024
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01/08/2024
Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 01/08/2024

3. SẢN PHẨM TIÊU BIỂU VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản phẩm tiêu biểu

Phân phối thiết bị y tế

Công ty hiện đang là nhà phân phối của nhiều thương hiệu sản xuất thiết bị y tế nổi tiếng thế giới tại thị trường Việt Nam như: Fujifilm/Nhật Bản, Konica/Nhật Bản, Sakura/Nhật Bản, Nemoto/Nhật Bản, Medec/Bỉ, B.Braun/Đức, Philips/Hà Lan cho các sản phẩm: hệ thống chụp cộng hưởng từ (MRI), hệ thống chụp cắt lớp vi tính (CT), máy siêu âm chẩn đoán, hệ thống X-Quang kỹ thuật số DR/CR, Hệ thống Xquang nhũ ảnh kỹ thuật số, máy in phim khô y tế, bơm

tiêm thuốc cản quang cản từ, máy siêu âm định hướng đường kim, thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn, máy gây mê kèm thở, bơm tiêm điện- máy truyền dịch, monitor theo dõi bệnh nhân. Phân phối độc quyền Thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn hãng Baixeng- Trung Quốc, phân phối độc quyền các sản phẩm X-quang hãng United Imaging Healthcare (UIH) - hãng chẩn đoán hình ảnh số 1 Trung quốc.

Phân phối vật tư tiêu hao

Công ty là nhà phân phối chính của các sản phẩm phim khô y tế Fujifilm và Konica. Hiện Công ty đang cung cấp sản phẩm phim khô y tế Fujifilm và Konica cho hầu hết các bệnh viện trên cả nước. Ngoài ra, Công ty còn là nhà phân phối các vật tư hồi sức tim mạch – Bộ đo huyết áp xâm nhập Merit Medical/ Mỹ, dây truyền dịch – B. Braun/Đức. Công ty luôn là đối tác tin cậy trong lĩnh vực vật tư tiêu hao của các bệnh viện trên cả nước trong hơn 20 năm qua.

Đầu tư xã hội hóa

Công ty là một trong những đơn vị đầu tiên hưởng ứng chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực Y tế thông qua mô hình kinh doanh liên kết với các bệnh viện đầu tư các trang thiết bị y tế thế mạnh như: máy cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp vi tính, máy chụp X-Quang... Mô hình hợp tác này giúp bệnh viện tiếp cận được máy móc công nghệ mới, giảm áp lực chi phí đầu tư ban đầu lớn, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đem đến lợi ích cho bệnh nhân cũng như toàn xã hội. Ngoài ra, Công ty còn tập trung đẩy mạnh các dự án liên kết máy vào đối tượng các phòng khám tư nhân thuộc nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Dịch vụ kỹ thuật

Dịch vụ kỹ thuật luôn một trong những thế mạnh nổi bật của Công ty. Với đội ngũ kỹ sư được đào tạo chính hãng bài bản, chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, Công ty luôn chủ động trong việc hỗ trợ khách hàng khi có yêu cầu 24/24. Điều này giúp thiết bị luôn hoạt động ổn định, đẩy nhanh tốc độ xử lý sự cố, giảm thiểu áp lực và chi phí phát sinh do can thiệp chậm trễ, đem lại sự tin tưởng cho khách hàng. Hiện Công ty cung cấp các dịch vụ như: tư vấn thiết kế, tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp linh kiện, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị...

Trung tâm chẩn đoán hình ảnh

Công ty có **03** Trung tâm chẩn đoán hình ảnh đã đủ điều kiện để đi vào hoạt động và bước đầu đạt kết quả rất khả quan, hướng đến mục tiêu 30 cơ sở tại các tỉnh thành trọng điểm tại Việt Nam. Công ty kết hợp với đội ngũ bác sĩ thuộc khoa chẩn đoán hình ảnh ở các viện, KOLs để tiếp cận rộng rãi với khách hàng.

Ngành hàng can thiệp

Năm 2024, Công ty đã chính thức triển khai ngành hàng mới là ngành hàng can thiệp. Công ty hiện là nhà phân phối chính thức của Terumo Neuro trên toàn lãnh thổ Việt Nam, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự hợp tác lâu dài với thương hiệu uy tín này. Với hơn 15 năm hiện diện trên thị trường Việt Nam, Terumo Neuro đã trở thành một trong những thương

hiệu hàng đầu trong lĩnh vực can thiệp thần kinh, chuyên cung cấp giải pháp tiên tiến trong can thiệp điều trị đột quy, phù hợp mạch và dị dạng mạch não.

- **Lịch sử và uy tín:** Sản phẩm của Terumo Neuro, thuộc quyền sở hữu của MicroVention (Mỹ và Pháp) chủ quản bởi Terumo (Nhật Bản)- một tập đoàn toàn cầu với hơn 120 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe.
- **Chất lượng vượt trội:** Được các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực can thiệp thần kinh công nhận, Terumo Neuro luôn nằm trong top các thương hiệu hàng đầu thế giới về chất lượng và dải sản phẩm đa dạng.
- **Đào tạo chuyên sâu:** Công ty chú trọng vào việc cập nhật kiến thức và đào tạo chuyên môn thông qua các sự kiện khoa học, hội nghị trong nước và quốc tế.
- **Cung ứng ổn định:** Với lịch sử cung cấp hàng hóa liên tục, Terumo Neuro đảm bảo nguồn cung ứng ổn định, ngay cả trong các giai đoạn khó khăn như dịch bệnh hay khủng hoảng kinh tế.
- **Chiến lược tập trung vào bệnh nhân:** Chúng tôi cam kết đặt bệnh nhân lên hàng đầu, phối hợp với các đơn vị chuyên môn và truyền thông để nâng cao nhận thức cộng đồng, từ đó góp phần cứu sống bệnh nhân mắc bệnh lý thần kinh nguy hiểm, đặc biệt là trong “6 giờ vàng” đối với đột quy.

Chúng tôi tin rằng với tầm nhìn hướng đến cải thiện sức khỏe cộng đồng, công ty không chỉ mang đến những giải pháp tiên tiến nhất trong can thiệp thần kinh nói riêng mà còn không ngừng tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác hàng đầu trong ngành hàng can thiệp nói chung.

Địa bàn kinh doanh

Công ty phân phối hàng hóa & cung cấp dịch vụ tập trung chủ yếu ở các địa bàn sau: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Các tỉnh phía Bắc bao gồm: Thái Bình, Hà Giang, Bắc Giang, Nghệ An, Thanh Hóa...

4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

Tổng quan hoạt động kinh doanh Công ty

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tổng Doanh thu thuần hợp nhất là: 611,54 tỷ đồng, đạt 96% so với kế hoạch của ĐHCĐ năm 2024, tăng 6% so với năm 2023. Lãi sau thuế năm 2024 là: 40,2 tỷ, giảm 23%% so với năm 2023. Công ty tiếp tục tập trung vào những sản phẩm truyền thống như: Vật tư tiêu hao phim khô, thiết bị chẩn đoán hình ảnh, hoạt động kinh doanh liên kết, dịch vụ service. Ngoài ra, bổ sung thêm vào danh mục hàng hóa các mặt hàng khác như: Bộ đo huyết áp xâm nhập (hãng Merit/Mỹ), hệ thống chụp Xquang (hãng Skanray/Ấn Độ), các sản phẩm ngành hàng can thiệp mạch não đồng thời tập trung tăng hiệu quả hoạt động của Trung tâm chẩn đoán hình ảnh.

So sánh kết quả đạt được trong năm so với năm liền kề

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/Giảm
1	Doanh thu thuần	576.287.155.805	611.540.459.301	6%
2	Lợi nhuận sau thuế	52.639.842.397	40.282.230.794	-23%

So sánh kết quả đạt được trong năm so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Số thực hiện	Số kế hoạch	% so kế hoạch
1	Doanh thu thuần	611.540.459.301	638.000.000.000	96%
2	Lợi nhuận sau thuế	40.282.230.794	31.000.000.000	130%

Nguyên nhân:

Năm 2024, Công ty đã ghi nhận mức tăng trưởng cao của lĩnh vực kinh doanh thiết bị y tế và vật tư tiêu hao. Công ty cũng đang phát huy thế mạnh về dịch vụ service với đội ngũ kỹ thuật có trình độ cao, luôn khắc phục sự cố máy đưa máy trở lại trạng thái bình thường trong thời gian ngắn, tận dụng triệt để khai thác hoạt động của thiết bị.

Công ty đã áp dụng các biện pháp mạnh để cắt giảm triệt để những chi phí không cần thiết trong quá trình vận hành, sản xuất kinh doanh; tích cực thu hồi công nợ khách hàng giảm chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi; . Các khoản đầu tư tài chính mang lại hiệu quả rõ rệt. Đồng thời, Doanh thu chụp chiếu các Trung tâm chẩn đoán hình ảnh của Công ty con cũng đạt kết quả cao, tăng 02 Trung tâm chẩn đoán hình ảnh và Doanh thu tăng 20 tỷ so với năm 2023. Tổng hòa các yếu tố trên dẫn đến năm 2024 JVC đạt hiệu quả hoạt động kinh doanh tốt.

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	828.102.672.175	686.676.856.095	21%
Doanh thu thuần	611.540.459.301	576.287.155.805	6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	147.571.719.545	138.863.441.117	6%
Lợi nhuận khác	939.484.090	10.766.752.450	-91%
Lợi nhuận trước thuế	58.865.008.889	55.924.271.928	5%
Lợi nhuận sau thuế	40.282.230.794	52.639.842.397	-23%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		-	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,350	1,95
Hệ số thanh toán nhanh	2,448	1,42
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,273	0,348
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,375	0,534
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	7,46	4,5
Vòng quay các khoản phải thu	3,291	1,734
Vòng quay các khoản phải trả	2,575	2,357
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,839	0,738
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,1%	6,5%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,5%	0,07%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,7%	04,8%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,8%	9%

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Hình thức đầu tư	Loại hình	Đơn vị đầu tư	Tình hình thực hiện
Đầu tư hợp đồng tiền gửi ngân hàng	Hợp đồng tiền gửi giá trị 180 triệu đồng, kỳ hạn 1 năm, lãi suất từ 4,6% đến 6,0%	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Vẫn còn hiệu lực
Các khoản đầu tư khác	Hợp tác đầu tư với các đối tác là các doanh nghiệp		Các khoản đầu tư tài chính khác đảm bảo khả năng thu hồi và tạo lợi nhuận cho công ty năm 2024 ~24,9 tỷ đồng.

Các công ty con, công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có hai công ty con với thông tin chi tiết như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Tỉ lệ quyền kiểm soát	Tỉ lệ quyền Biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS)	Toà nhà Icon4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	100%	100%	Kinh doanh thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật (MIDS)	Tầng 1, Số 163 Hoàng Cầu, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	99%	99%	Kinh doanh phòng khám đa khoa

Tóm tắt về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS):

Năm 2024 Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS) không phát sinh doanh thu từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cũng như chưa có bất kỳ kế hoạch gì trong việc triển khai, ký kết các hợp đồng mới với khách hàng. Kế hoạch hoạt động của Công ty trong thời gian tới phụ thuộc và quyết định của chủ sở hữu - Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật. Hiện tại, Công ty mẹ chưa có kế hoạch chấm dứt hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng tiếp theo.

Tóm tắt về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật (MIDS):

MIDS được thành lập vào tháng 10/2021 với vốn điều lệ là 25 tỷ đồng, hoạt động chủ yếu là các trung tâm chẩn đoán hình ảnh. Năm 2024, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động khám bệnh: Chụp MRI, CT; tăng cường hợp tác với các bệnh viện, phòng khám tư nhân vệ tinh; xây dựng đội ngũ hệ thống KOLs tại các bệnh viện, phòng khám chuyên khoa; chú trọng dịch vụ chăm sóc khách hàng từng bước xây dựng thương hiệu và khẳng định vị thế trong lòng khách hàng. Doanh thu hoạt động năm 2024 là 34.322.606.000 đồng. lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 5.386.526.587 đồng. Công ty đã hết lỗ lũy kế.

Công ty liên kết:

Công ty có 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín với vốn đầu tư là 750 triệu đồng. Hiện tại, Công ty không thể thu thập được báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty này.

Tổ chức và Nhân sự

		Đơn vị: Người	
STT	Tiêu chí	2023	2024
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	73	82
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	30	26
3	Lao động phổ thông	6	6
II	Theo giới tính		
1	Nam	70	73
2	Nữ	39	41
Tổng cộng		109	114

Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách đào tạo

Công nhân viên tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Chính sách phúc lợi xã hội

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định: BHXH, BHYT, khám sức khỏe định kỳ hằng năm,... Đặc biệt, công ty có thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện PTI Care cho toàn thể CBNV. Hằng năm, Công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho CBNV của Công ty tham quan, nghỉ mát, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể.

Chính sách lương thưởng

Mức lương trung bình của người lao động là 17.350.000 đồng. Công ty luôn đảm bảo tính công bằng, tuân thủ pháp luật đối với cơ chế chi trả lương thưởng cho người lao động. Trong năm 2024, Công ty cũng đã ban hành Quy chế lương thưởng, phụ cấp và chế độ cho cán bộ nhân viên.

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty liên quan đến môi trường và xã hội

Tiêu thụ năng lượng và nước

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành doanh nghiệp, nhưng Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Công ty luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp.

Công ty áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng CBNV ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn nhân lực này: tắt các thiết bị điện khi không sử dụng; không mở cửa ra vào, cửa thoáng khí khi đang bật điều hòa; nước được sử dụng hợp lý, tắt nguồn nước khi không sử dụng.

Trong năm 2024, Công ty sẽ tiếp tục phát huy và đẩy mạnh hơn nữa tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng CBNV Công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tuân thủ nghiêm các quy định liên quan đến phát triển bền vững, đặc biệt là các quy định về bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động.

Công ty hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh với các mục tiêu bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguồn năng lượng, nước trong hoạt động kinh doanh; tuân thủ các quy định chính sách luật về bảo vệ môi trường.

Hoạt động trách nhiệm vì xã hội và cộng đồng

Năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì việc làm ổn định cho người lao động. Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển chung của ngành kinh doanh thiết bị, vật tư và dịch vụ y tế. Từ đó nâng cao sức khỏe, chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Đặc biệt trong và sau cơn bão số 3 (có tên quốc tế Yagi) đã gây ra rất nhiều thiệt hại nặng nề cho các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Hưởng ứng lời kêu gọi toàn dân chung tay khắc phục hậu quả bão lũ, Công ty đã thực hiện rất nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa như:

- Trao tặng Vật tư y tế trị giá 50 triệu đồng cho những đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Yên Bái
- Trao tặng Vật tư y tế trị giá 50 triệu đồng cho Bệnh viện Đa khoa Bắc – Thăng Long và trao tặng 50 triệu đồng cho người dân tỉnh Bắc Giang
- Bộ phận Kỹ thuật sẵn sàng ứng cứu 24/7
- Trích 1 ngày lương của CBNV và Công ty trích số tiền tương ứng

Ngoài ra năm 2024, Công ty cũng đã không ngừng cố vũ cho các hoạt động chuyên môn thông qua việc tổ chức, tham dự hoặc tài trợ như:

- Tổ chức hội thảo chuyên đề tại Trung tâm Y tế Thành phố Móng Cái và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang nhằm tạo điều kiện để các y bác sĩ địa phương có thêm cơ hội cập nhật kiến thức chuyên môn cũng như chia sẻ kinh nghiệm
- Tham dự Hội nghị Siêu âm toàn quốc lần thứ 6 (VSUM6)
- Tham dự Hội thảo khoa học chuyên đề "Chẩn đoán hình ảnh tuyến vú: Sàng lọc bệnh lý tuyến vú - Quá khứ, Hiện tại và Tương lai"
- Tham dự Hội thảo quốc gia thường niên về “Nâng cao năng lực quản lý, cập nhật thông tin khoa học và công nghệ trang thiết bị y tế” do Hội Thiết bị Y tế Việt Nam tổ chức
- Tham dự Hội nghị khoa học Điện quang và Y học hạt nhân Toàn quốc lần thứ 25
- Tham dự Hội nghị chuyên đề về thần kinh mạch máu lần thứ 8 tại Hà Quốc
- Tham dự Hội nghị đột quy quốc tế năm 2024
- Tham dự Hội nghị khoa học Hình ảnh Ổ bụng lần thứ I
- Đồng hành và tài trợ Lễ Kỷ niệm 10 năm thành lập Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam
- Tham dự Hội nghị Phẫu thuật Thần kinh Việt Nam lần thứ 23

5. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kết quả thực hiện chiến lược và kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2024

HDQT đã xem xét, phê duyệt, chỉ đạo triển khai hoạt động kinh doanh như sau:

- Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong các dòng sản phẩm, hoạt động kinh doanh truyền thống như thiết bị và vật tư tiêu hao chẩn đoán hình ảnh, hoạt động liên doanh liên kết, dịch vụ kỹ thuật, đồng thời tìm kiếm phát triển các sản phẩm mới có volume thị trường và lợi nhuận tốt.
- Doanh thu thuần 2024: 611,54 tỷ đồng, đạt ~96% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2024.
Cụ thể cơ cấu doanh thu thuần các mảng kinh doanh như sau:

STT	Lĩnh vực	Năm		% thành phần		% tăng/(giảm)
		2023	2024	2023	2024	
1	Doanh thu bán hàng hóa	453,21	493,12	79%	81%	9%
2	Doanh thu hoạt động liên kết Thiết bị y tế	88,99	67,72	15%	11%	-24%

3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	33,98	50,69	6%	8%	49%
	TỔNG CỘNG	576,2	611,54	100%	100%	

- Lợi nhuận sau thuế 2024 lãi 40,28 tỷ đồng.
- Trong năm 2024, Công ty đã đầu tư 16,59 tỷ mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 27,6 tỷ chủ yếu đến từ các hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính, lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá.

Về công tác giám sát và đánh giá của HĐQT đối với Ban TGD:

- HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban TGD thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn tại các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến, thông qua thư điện tử, điện thoại về tình hình triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch quản trị doanh nghiệp đã được ĐHCĐ phê chuẩn và việc triển khai các nghị quyết của HĐQT.
- Ban TGD đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, cơ bản hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính đã đề ra, đồng thời, đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty.
- Hệ thống báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống báo cáo quản trị được lập đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả quản trị.
- Ban TGD đã tích cực cùng các đơn vị tư vấn pháp lý giải quyết các vấn đề pháp lý và công nợ tồn đọng: rà soát, nghiên cứu hồ sơ, liên hệ, đàm phán với các bên liên quan, cân nhắc khởi kiện nếu cần thiết. Tuy còn gặp phải nhiều khó khăn khách quan, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, nỗ lực của Ban TGD được HĐQT ghi nhận và đánh giá rất cao.
- Ban TGD đã đề xuất kiện toàn bộ máy quản lý cho HĐQT, đồng thời, xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh, thực hiện tốt công tác đánh giá, đãi ngộ nhân viên công khai, minh bạch, công bằng, hợp lý, cạnh tranh.
- Các thành viên Ban TGD đều sở hữu năng lực và kỹ năng quản lý cấp cao và không ngừng trau dồi, hoàn thiện thêm.

Phương hướng của HĐQT năm 2025

HĐQT đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau: Doanh thu thuần 1200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 100 tỷ đồng.

HĐQT sẽ chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

- Hướng tới trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng; đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu.
- Tiếp tục xây dựng bộ máy hoạt động tinh gọn, hiệu quả; hoàn thiện các quy chế, quy trình; hướng đến tự động hóa việc thực hiện quy trình, quản lý và hoạch định nguồn lực.
- Tăng cường đào tạo năng lực chuyên môn, kỹ năng; chăm lo đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động; xây dựng văn hóa Công ty.
- Xử lý dứt điểm các tồn đọng về tài chính, công nợ, pháp lý.

6. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2024, Ban TGD và toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh của ĐHCĐ 2024 và chỉ đạo của HĐQT, đạt ~96% chỉ tiêu doanh thu thuần hợp nhất. Ban TGD báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 như sau:

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng Doanh thu thuần hợp nhất là: 611,54 tỷ đồng, đạt 96% so với kế hoạch của ĐHCĐ năm 2024, tăng 6% so với năm 2023. Lãi sau thuế năm 2024 là: 40,2 tỷ.
- Năm 2024, Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong các dòng sản phẩm truyền thống như: Vật tư tiêu hao phim khô, thiết bị chẩn đoán hình ảnh, hoạt động kinh doanh liên kết, dịch vụ service. Ngoài ra, bổ sung thêm vào danh mục hàng hóa các mặt hàng khác như: Bộ đo huyết áp xâm nhập (hãng Merit/Mỹ), hệ thống chụp Xquang (hãng Skanray/Ấn Độ), đồng thời tập trung tăng hiệu quả hoạt động của Trung tâm chẩn đoán hình ảnh. Đội ngũ Ban TGD đã rất tích cực nỗ lực cùng với toàn thể nhân viên trong công tác rà soát, quản trị chi phí, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường vị thế trên thương trường cho JVC, hiện thực hóa nhiệm vụ mà ĐHCĐ, HĐQT giao phó đồng thời nỗ lực xây dựng văn hóa JVC một cách rất đặc trưng, rõ nét với phương châm: “Chất lượng Nhật, Giá trị Thật”. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ sự cạnh tranh khốc liệt của các hãng trên thị trường thiết bị y tế, các yếu tố chính trị, thủ tục pháp lý về việc giải ngân đối với những dự án sử dụng ngân sách nhà nước, ảnh hưởng từ nhà cung cấp đã tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

- Tổng tài sản năm 2024 là 828,1 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn 562,29 tỷ đồng, chiếm 68% Tổng tài sản, tài sản dài hạn là 265,8 tỷ đồng chiếm 32% Tổng tài sản. Đồng thời

Tổng tài sản tăng 21% so với năm 2023, trong đó Tài sản ngắn hạn tăng 6% so với năm 2023, Tài sản dài hạn tăng 68% so với năm 2023.

Tình hình nợ phải trả

- Tổng Nợ phải trả tại 31/12/2024 là: 288,4 tỷ đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 288,2 tỷ đồng chiếm 99,95% Tổng nợ phải trả, Nợ dài hạn là: 0,135 tỷ đồng chiếm 0,05% Tổng nợ phải trả; trong khi tỷ lệ này là 98,8% và 1,2% tại 01/01/2024
- Tại 31/12/2024, Tổng nợ phải trả người bán là: 87,79 tỷ đồng, trong đó không có dư nợ phải trả quá hạn. Chi phí lãi vay năm 2024 là: 5,4 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2023

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2024, Ban điều hành đã được cơ cấu, chuyên môn hóa. Hiện tại, Ban điều hành Công ty có 01 Tổng giám đốc, 01 Thành viên HĐQT phụ trách phát triển các Trung Tâm chẩn đoán hình ảnh, các Phó tổng giám đốc chuyên môn phụ trách các mảng Kinh doanh, Dự án, Phát triển thị trường và 01 Giám đốc tài chính.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch nhân sự

- Tìm kiếm nhân sự trong ngành đủ năng lực, uy tín bổ sung vào HĐQT.
- Tìm kiếm chuyên gia người Trung Quốc trong lĩnh vực y tế phục vụ phát triển kinh doanh với các đối tác Trung Quốc.

Kế hoạch kinh doanh

- Kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau: doanh thu thuần 1200 tỷ đồng.
- Định hướng chung của Công ty là trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, vật tư, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng, đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu.
- Đối với hoạt động kinh doanh thiết bị, vật tư tiêu hao và ngành hàng can thiệp, Công ty sẽ tập trung vào tìm kiếm và triển khai quyết liệt các dòng sản phẩm mới.
- Đối với hoạt động đầu tư liên kết, cho thuê, Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án liên doanh liên kết, cho thuê mới dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả và tiềm năng phát triển.
- Đối với dịch vụ kỹ thuật, Công ty hướng đến tăng cường chất lượng dịch vụ sau bán hàng thông qua các hợp đồng sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị y tế.
- Tập trung vào phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm chẩn đoán hình ảnh.

Về quản trị Công ty:

- Đề hướng đến tự động hóa việc thực hiện quy trình, quản lý và hoạch định nguồn lực.

- Tiếp tục tăng cường đào tạo năng lực chuyên môn, kỹ năng; xây dựng văn hóa Công ty; chăm lo đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động.
- Tiếp tục xử lý các tồn đọng về tài chính, công nợ, pháp lý.

7. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo quản trị công ty

Hội đồng quản trị (giai đoạn từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

STT	Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hải Hà	CT HĐQT	0
2	Ông Phạm Thanh Nam	PCT HĐQT	0
3	Bà Nguyễn Thị Hạnh	TV HĐQT không điều hành	0
4	Ông Nguyễn Văn Chi	TV HĐQT độc lập	0
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm)	0
6	Ông Nguyễn Thi Phương	TV HĐQT không điều hành	0

Cuộc họp HĐQT (giai đoạn từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

STT	Tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hải Hà	30/30	61,1%	Được bầu từ ngày 19/5/2023
2	Ông Phạm Thanh Nam	30/30	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hạnh	30/30	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Chi	14/30	46.66%	Bỏ nhiệm từ ngày 13/06/2024
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	16/30	53.33%	Miễn nhiệm từ ngày 13/06/2024
6	Ông Nguyễn Thi Phương	30/30	100%	

Tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2024 (giai đoạn từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

Năm 2024, HĐQT của Công ty đã tổ chức họp và có các chỉ đạo kịp thời với các nội dung chính sau:

- Thông qua triệu tập ĐHĐCĐ TN 2024 và các công việc khác phục vụ Đại hội
- Thông qua việc xin cấp hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng.
- Thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng hợp tác đầu tư, Hợp đồng cho vay.

- Thông qua chủ trương mua phần vốn góp tại Công ty khác
- Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và Người phụ trách quản trị Công ty.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024.

Hoạt động của thành viên độc lập: các thành viên HĐQT độc lập đều đưa ra các ý kiến xác thực, có chuyên môn, thể hiện kiến thức, năng lực và kinh nghiệm của mình.

Báo cáo của Ban kiểm soát

Danh sách thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Nguyễn Văn Vũ	Trưởng ban	0
2	Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên	0
3	Bà Nguyễn Thị Tiến Chi	Thành viên	0

Hoạt động của BKS: Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của cả 03 thành viên, đồng thời tổ chức các buổi trao đổi, chất vấn, làm việc trực tiếp với Ban điều hành liên quan đến các nội dung trọng yếu sau:

- Giám sát HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, công tác tài chính kế toán bao gồm việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Giám sát thủ tục Ban hành, nội dung và việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban TGD.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, báo cáo tài chính tự lập năm 2023 của Công ty.

Giám sát, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

Hoạt động của HĐQT: HĐQT đã thực hiện tốt trách nhiệm quản lý theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ. Trong năm 2024 (giai đoạn từ 01/01/2024 đến 31/12/2024), HĐQT đã tổ chức họp 30 lần. Nội dung chủ yếu của các nghị quyết HĐQT liên quan đến định hướng kinh doanh, phương án tổ chức Công ty, phê duyệt các hợp đồng với đơn vị liên quan, các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị, điều hành công ty. Các nghị quyết tuân thủ các thủ tục, quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, bám sát chủ trương của ĐHĐCĐ.

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc: Ngoài những nỗ lực trong điều hành kinh doanh, Ban TGD thực hiện tốt các trách nhiệm quản trị khác, cụ thể:

- Về công tác tài chính: chấp hành tốt các quy định về tài chính kế toán, lập, trình bày, công bố BCTC;
- Về công tác kiểm soát nội bộ: tiếp tục hoàn thiện và duy trì có nề nếp việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình;
- Về công tác nhân sự: đề xuất và triển khai phương án tổ chức Công ty, tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động;
- Về giải quyết các vấn đề tồn đọng: Quyết liệt trong việc tiếp tục thu hồi công nợ khó đòi, giải quyết các vấn đề pháp lý.

Các giao dịch, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, BKS và Ban TGD

Thu nhập của HĐQT và Ban TGD:

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc			
Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Hải Hà	Chủ tịch HĐQT	114.000.000	51.677.000
Ông Phạm Thanh Nam	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	1.583.205.009	1.752.112.105
Ông Lê Minh Chung	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Đã miễn nhiệm năm 2023)	-	450.270.366
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	1.765.670.000	2.157.359.000
Ông Nguyễn Thị Phương	Thành viên HĐQT	468.328.007	69.628.501
Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 13/06/2024)	33.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 13/06/2024)	27.000.000	60.000.000
Ông Vũ Văn Toàn	Phó Tổng giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 02/05/2024)	737.242.888	-
Ông Bùi Tuấn Duy	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/06/2024)	570.187.293	970.157.830
Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa	Phó Tổng giám đốc	1.968.373.007	1.448.691.884
Cộng		7.267.006.204	6.959.896.686

Thù lao Ban kiểm soát Công ty chi trả trong năm:

Thù lao Ban kiểm soát Công ty chi trả trong năm là:			
Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	40.500.000
Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Tiến Chi	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	27.000.000
Cộng		84.000.000	94.500.000

Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ: Không có

Báo cáo quản trị rủi ro

Rủi ro chiến lược

1. Rủi ro cạnh tranh

- Chi tiết rủi ro: Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều có nhiều nhà cung cấp tham gia, tạo ra sự cạnh tranh cao.
- Biện pháp kiểm soát: Ban TGD luôn luôn đôn đốc cập nhật thường xuyên thông tin thị trường, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp, tạo điều kiện để Công ty và nhà cung cấp chia sẻ nguồn lực, thông tin, góp phần ứng phó kịp thời, củng cố và phát triển lợi thế cạnh tranh.

2. Rủi ro công nghệ

- Chi tiết rủi ro: Thiết bị y tế là lĩnh vực công nghệ với áp lực đổi mới, cập nhật bắt kịp với sự phát triển của công nghệ.
- Biện pháp kiểm soát: Các đề xuất thường xuyên được Ban TGD đưa ra với nhà cung cấp trong việc nghiên cứu và phát triển công nghệ, nhằm triển khai các công nghệ và sản phẩm mới tại thị trường Việt Nam.

3. Rủi ro pháp lý

- Chi tiết rủi ro: Lĩnh vực y tế là lĩnh vực có nhiều quy định liên quan đến nhập khẩu, kinh doanh thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ khám bệnh, đầu tư xã hội hóa,... Các quy định này có thể thay đổi, do đó tiềm ẩn nhiều rủi ro.
- Biện pháp kiểm soát: Ban TGD thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro, bao gồm: phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới thông qua các hình thức như thư điện tử, đào tạo nội bộ ...; hoàn thiện quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa thành các văn bản hướng dẫn, biểu mẫu, khung hợp đồng mẫu...; chú trọng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của chuyên viên pháp chế thông qua kinh nghiệm thực tiễn, các khóa đào tạo nghiệp vụ.

8. CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Định hướng chiến lược năm 2025

- Định hướng chung của Công ty tiếp tục là trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, vật tư, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng; đặt mục tiêu an toàn về pháp lý và chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, khẳng định giá trị: “Chất lượng Nhật - Giá trị thật”, “Phát triển an toàn và bền vững”.
- Đối với hoạt động kinh doanh thiết bị, Công ty tập trung chuyên sâu vào mảng chẩn đoán hình ảnh, là ngành hàng đã được Công ty cung cấp lâu năm và có vị thế trên thị trường. Ngoài những dải sản phẩm chẩn đoán hình ảnh truyền thống Công ty đang cung

cấp, Công ty sẽ tìm kiếm thêm các dải chẩn đoán hình ảnh khác để lấp đầy dải sản phẩm chẩn đoán hình ảnh của Công ty. Ngoài ra Công ty tập trung đưa về những sản phẩm Công nghệ cao có giá trị cao: Robot, DSA để mang lại giá trị an sinh cho cộng đồng và tạo doanh thu đột phá.

- Đối với mảng vật tư tiêu hao và ngành hàng can thiệp, ngoài những sản phẩm truyền thống đang cung cấp và dựa vào việc Công ty đã ký kết hợp tác đối với đối tác can thiệp mạch thần kinh hàng đầu thế giới, Công ty đang tích cực tìm kiếm các dòng sản phẩm liên quan đến can thiệp khác như: tim mạch, cột sống,... Đây là dòng sản phẩm mang lại lợi ích thiết thực cho người bệnh, mang ý nghĩa đóng góp cho an sinh xã hội cao và đang là xu hướng trên thế giới, ngoài ra đây là các sản phẩm có giá trị cao trong thương mại, Đấu thầu, đem lại doanh thu và biên lợi nhuận tốt hơn so với các sản phẩm mà vật tư tiêu hai thông thường đã bão hòa
- Đối với hoạt động đầu tư liên kết, cho thuê, Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án kinh doanh liên kết, cho thuê mới dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện về hành lang pháp lý, hiệu quả và tiềm năng phát triển.
- Đối với ngành hàng can thiệp, Công ty quyết tâm nghiên cứu và bước đầu triển khai các dự án liên quan đến ngành hàng mới này, từng bước đưa ngành hàng can thiệp trở thành một trong những hoạt động mũi nhọn của JVC trong thời gian tới.
- Đối với dịch vụ kỹ thuật, Công ty hướng đến tăng cường chất lượng dịch vụ sau bán hàng thông qua các hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị y tế... mang lại sự yên tâm và niềm tin cho khách hàng. Ngoài ra, Công ty sẽ tận dụng lực lượng kỹ sư hùng hậu và có tay nghề cao hướng tới việc mở rộng cung cấp dịch vụ kỹ thuật tới những đối tượng khách hàng có nhu cầu để tăng thêm doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Chuyển dịch dần thành Công ty thương mại - dịch vụ bằng việc cung cấp các dịch vụ về y tế.
- Trong Năm 2025, ngoài mảng kinh doanh thương mại truyền thống, Công ty có định hướng sẽ đẩy mạnh sang mảng đầu tư: Bệnh viện, Dịch vụ, đối tác công tư (PPP) trong Y tế.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty(*):

Trên cơ sở định hướng chiến lược cụ thể, cùng lợi thế nền tảng của Công ty, HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất: 1200 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 100 tỷ đồng

Ghi chú ():*

1. Số liệu kế hoạch theo số liệu hợp nhất dự kiến;



9. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2024

(Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2024 của Công ty)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



Hà Nội, tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Hải Hà	- Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Nam	- Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hạnh	- Thành viên
Ông Nguyễn Thị Phương	- Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chi	- Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 13/06/2024)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	- Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 13/06/2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Phạm Thanh Nam	- Tổng giám đốc
Ông Bùi Tuấn Duy	- Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/06/2024)
Ông Vũ Văn Toàn	- Phó Tổng giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 02/05/2024)
Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa	- Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



Phạm Thanh Nam
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 111 /2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31/03/2025, từ trang 05 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại Thuyết minh số 10, Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 37 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất: Công ty có các giao dịch đầu tư tài chính (hợp tác đầu tư, cho vay và chi mua phần vốn góp tại doanh nghiệp khác) được Công ty thực hiện theo các Nghị quyết phê duyệt của Hội đồng quản trị trong năm 2024 (tổng giá trị giao dịch xem tại Thuyết minh số 37). Các đối tác tham gia hợp tác đầu tư, nhận cho vay là các bên có quan hệ kinh tế/công việc thường xuyên, có phát sinh giao dịch lớn về tài chính với Công ty hàng năm. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác định các giao dịch được xác lập tuân thủ các quy định của pháp luật và đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động đầu tư nêu trên của Công ty tại ngày 31/12/2024. Trong đó, giao dịch hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam và giá trị khoản đầu tư dài hạn khác vào Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG có tổng giá trị giao dịch chiếm trên 10% (từng giao dịch chi tiết nhỏ hơn 10%) so với tổng tài sản trên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét. Việc công bố thông tin các giao dịch nêu trên theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được Ban Giám đốc trình bày tại các Thuyết minh kèm theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Thương
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2025-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		562.294.668.490	528.425.374.100
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.581.608.627	152.936.802.760
1. Tiền	111		19.431.608.627	8.936.802.760
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000	144.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		180.200.000	240.200.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		180.200.000	240.200.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		387.304.882.539	317.901.043.947
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	444.972.468.085	467.379.585.814
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	309.447.807.995	338.610.456.640
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	4.700.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	740.375.576.245	612.827.761.975
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.112.190.969.786)	(1.100.916.760.482)
IV. Hàng tồn kho	140	9	152.827.362.496	53.013.742.271
1. Hàng tồn kho	141		172.126.118.935	75.295.749.739
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.298.756.439)	(22.282.007.468)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.400.614.828	4.333.585.122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	1.666.605.150	4.082.154.514
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		729.067.910	251.430.608
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	4.941.768	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.808.003.685	158.251.481.995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.517.108.920	1.592.809.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	112.267.108.920	112.342.809.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(110.750.000.000)	(110.750.000.000)
II. Tài sản cố định	220		101.266.116.561	104.314.219.640
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	99.947.101.736	102.760.395.979
- Nguyên giá	222		572.990.184.114	554.248.061.998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(473.043.082.378)	(451.487.666.019)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.319.014.825	1.553.823.661
- Nguyên giá	228		5.313.999.620	4.795.254.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.994.984.795)	(3.241.430.839)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.238.875.261	38.789.759.591
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	5.238.875.261	38.789.759.591
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	140.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		140.000.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(750.000.000)	(750.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.785.902.943	13.554.693.764
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	16.524.418.246	13.191.057.400
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.261.484.697	363.636.364
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		828.102.672.175	686.676.856.095

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024Mẫu số B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		288.421.043.975	187.331.323.956
I. Nợ ngắn hạn	310		288.286.032.550	185.095.814.436
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	87.795.950.428	48.301.589.258
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	11.674.486.600	4.104.931.784
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	25.439.864.101	6.874.104.363
4. Phải trả người lao động	314		6.896.320.667	5.009.821.412
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.130.658.468	19.938.262.279
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.561.608.918	2.688.369.013
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	140.828.584.046	92.726.317.339
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	4.958.559.322	5.452.418.988
II. Nợ dài hạn	330		135.011.425	2.235.509.520
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	-	898.604.166
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		135.011.425	1.336.905.354
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		539.681.628.200	499.345.532.139
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	539.681.628.200	499.345.532.139
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.007.069.805.417)	(1.047.352.036.211)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.047.352.036.211)	(1.099.986.419.823)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		40.282.230.794	52.634.383.612
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		250.159.515	196.294.248
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		828.102.672.175	686.676.856.095

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Lụa

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Cương

Tổng giám đốc



Phạm Thanh Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B02 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	611.676.440.253	576.765.288.859
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	135.980.952	478.133.054
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	611.540.459.301	576.287.155.805
4. Giá vốn hàng bán	11	27	463.968.739.756	437.423.714.688
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		147.571.719.545	138.863.441.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	27.677.414.340	24.142.958.769
7. Chi phí tài chính	22	29	6.261.510.071	6.293.115.650
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.437.218.352	5.291.623.181
8. Chi phí bán hàng	25	30	62.073.875.028	69.946.367.925
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	48.988.223.987	41.609.396.833
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.925.524.799	45.157.519.478
11. Thu nhập khác	31	31	8.927.990.108	11.442.227.037
12. Chi phí khác	32	32	7.988.506.018	675.474.587
13. Lợi nhuận khác	40		939.484.090	10.766.752.450
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.865.008.889	55.924.271.928
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	20.628.655.090	3.482.618.365
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.099.742.262)	(198.188.834)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.336.096.061	52.639.842.397
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		40.282.230.794	52.634.383.612
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		53.865.267	5.458.785
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	359	468

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Cương

Tổng giám đốc



Phạm Thanh Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.865.008.889	55.924.271.928
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		35.302.084.719	47.454.102.066
- Các khoản dự phòng	03		7.797.098.609	1.994.317.539
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(509.484.551)	699.197.274
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.511.866.513)	(25.989.230.807)
- Chi phí lãi vay	06		5.437.218.352	5.291.623.181
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82.380.059.505	85.374.281.181
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		65.610.146.099	(60.208.923.434)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(95.953.410.572)	5.540.787.210
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		47.232.504.846	(30.880.609.853)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.333.360.846)	(1.087.511.032)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.417.321.916)	(5.212.254.188)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.765.118.746)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		85.753.498.370	(6.474.230.116)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(16.594.251.977)	(43.362.709.426)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.939.090.907	14.049.168.146
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	37	(511.200.000.000)	(369.100.200.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	37	379.310.000.000	479.303.461.481
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	37	(140.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.334.201.860	22.411.525.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(267.210.959.210)	103.301.245.491
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		262.560.100.575	190.195.009.772
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(214.457.833.868)	(140.452.595.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		48.102.266.707	49.742.414.745
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(133.355.194.133)	146.569.430.120
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		152.936.802.760	6.367.372.640
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		19.581.608.627	152.936.802.760

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Lựa

Nguyễn Ngọc Cương

Phạm Thanh Nam

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật ("Công ty") (trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật, đổi tên từ ngày 14/12/2021) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/09/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28/02/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.125.001.710.000 đồng, tương ứng 112.500.171 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu JVC.

Tổng số nhân viên của nhóm Công ty tại ngày 31/12/2024 là 164 người (tại ngày 31/12/2023 là 158 người).

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 24, Tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong lĩnh vực y tế, cụ thể:

- Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư y tế;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Đầu tư liên kết thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
- Hoạt động đầu tư tài chính.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. Cấu trúc của Công ty

Công ty có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật, địa chỉ tại số 218 Trần Hưng Đạo, Phường 11, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động chính trong lĩnh vực bán buôn máy móc, thiết bị và vật tư y tế khác.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có hai công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Tỉ lệ lợi ích	Tỉ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	100%	100%	Không hoạt động kinh doanh trong năm 2024
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật.	Tầng 1, Số 163 Hoàng Cầu, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	99%	99%	Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỉ lệ lợi ích	Tỉ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tin	Số 19 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.	25%	25%	Kinh doanh thiết bị y tế

Đồng thời, Công ty góp vốn đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	10,75%	Xây lắp, bất động sản

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu

cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty và Công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các loại chứng khoán nợ khác (ví dụ: khoản đầu tư mua nợ xấu...) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc trình bày tại thuyết minh số 4.4.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.6.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc phải thu ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.4.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 năm đến 06 năm.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

4.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.13. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khối ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi đầu tư trái phiếu, lãi hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính, chiết khấu thanh toán, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu tài chính khác (nếu có).

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một bên thứ ba khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	242.275.046	122.829.546
Tiền gửi ngân hàng	19.189.333.581	8.813.973.214
Các khoản tương đương tiền	150.000.000	144.000.000.000
Cộng	19.581.608.627	152.936.802.760

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu bên liên quan	46.427.520	45.218.400
Công ty Cổ phần Tasco	46.427.520	45.218.400
Phải thu khách hàng khác	444.926.040.565	467.334.367.414
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	95.620.562.655	95.620.562.655
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	97.904.625.613
Công ty TNHH Một Thành Viên 16A	26.012.725.600	25.496.725.600
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	28.031.022.362
Các khách hàng khác	197.357.104.335	220.281.431.184
Cộng	444.972.468.085	467.379.585.814

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
JWB Co., Ltd	190.230.906.514	190.230.906.514
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	29.872.783.121
Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình y tế	24.725.000.000	24.725.000.000
Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Thuốc và Thiết bị Y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
Các nhà cung cấp khác	43.539.118.360	72.701.767.005
Cộng	309.447.807.995	338.610.456.640

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp và Thương mại Tâm An	4.700.000.000	-
Cộng	4.700.000.000	-

Trong năm, Công ty cho vay với các đối tác là các bên có quan hệ kinh tế/công việc thường xuyên, có phát sinh giao dịch lớn về tài chính với Công ty hàng năm. Các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Thời hạn vay tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7%/năm đến 8%/năm, lãi suất tất toán trước hạn theo thỏa thuận. Mục đích sử dụng vốn cho vay: hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của bên nhận cho vay - Xem thêm các giao dịch về đầu tư, cho vay của Công ty tại Thuyết minh số 37.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng đang đi trên đường	8.971.969.181	-	4.242.027.534	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.042.368.808	-	83.333.334	-
Hàng hoá	158.183.362.880	(19.062.849.741)	66.018.137.451	(22.173.037.445)
Hàng gửi bán	3.928.418.066	(235.906.698)	4.952.251.420	(108.970.023)
Cộng	172.126.118.935	(19.298.756.439)	75.295.749.739	(22.282.007.468)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
<i>Phải thu về hợp tác đầu tư tài chính (1)</i>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	740.375.576.245	(491.756.821.295)	612.827.761.975	(491.756.821.295)
- Công ty Cổ phần VII	236.200.000.000	-	114.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nghệ thuật Thảo Nguyên	119.300.000.000	-	59.600.000.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị Y tế Hải Phát	61.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ADD	50.150.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ADD	5.750.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ADD	-	-	54.800.000.000	-
Các khoản khác	504.175.576.245	(491.756.821.295)	498.427.761.975	(491.756.821.295)
- Tiền ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế	315.360.806.472	(315.360.806.472)	315.360.806.472	(315.360.806.472)
Triết Tôn Tiên (2)				
- Tiền ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ Công ty TNHH Thương mại	87.934.458.528	(87.934.458.528)	87.934.458.528	(87.934.458.528)
Hương Đông (2)				
- Các khoản tạm ứng cho CBCNV đã nghỉ việc tại Công ty (3)	77.703.297.907	(77.703.297.907)	77.703.297.907	(77.703.297.907)
- Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.676.099.434	-	52.101.290	-
- Ký cược, ký quỹ	427.328.242	-	339.485.040	-
- Tạm ứng	4.021.465.551	-	4.716.349.107	-
- Phải thu khác	11.052.120.111	(10.758.258.388)	12.321.263.631	(10.758.258.388)
Dài hạn	112.267.108.920	(110.750.000.000)	112.342.809.000	(110.750.000.000)
- Ký cược, ký quỹ	1.517.108.920	-	1.592.809.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên (4)	110.750.000.000	(110.750.000.000)	110.750.000.000	(110.750.000.000)
Cộng	852.642.685.165	(602.506.821.295)	725.170.570.975	(602.506.821.295)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

- (1) Là các khoản hợp tác đầu tư tài chính với đối tác của Công ty nhằm mục đích kiểm lợi nhuận, thời hạn hợp tác là từ 6 tháng đến 12 tháng, Công ty có quyền rút một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp hợp tác ngay sau khi thông báo cho đối tác. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả đầu tư và tỷ lệ theo thỏa thuận giữa các bên tại thời điểm thanh lý hợp đồng nhưng đảm bảo không thấp hơn chi phí cơ hội do hai bên xác định theo từng hợp đồng.

Trong đó, số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam chiếm trên 10% so với tổng tài sản trên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét nhưng do các giao dịch chi tiết đều nhỏ hơn 10% tổng tài sản nên Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá không cần thiết phải công bố thông tin Nghị quyết của Hội đồng quản trị về phê duyệt hợp tác đầu tư theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các khoản hợp tác đầu tư được thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm. Đối tác tham gia hợp tác đầu tư là các bên có quan hệ kinh tế/công việc thường xuyên, có phát sinh giao dịch lớn về tài chính với Công ty hàng năm.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty xác định các hợp đồng hợp tác kinh doanh này tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của giao dịch, giám sát tiến độ và hiệu quả của các hợp đồng hợp tác đầu tư để đánh giá rủi ro và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Hiện tại, Công ty đã thỏa thuận chấm dứt hợp tác đầu tư và thu hồi toàn bộ số dư nợ phải thu về hợp tác đầu tư nêu trên, do đó Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2024 - Xem thêm các giao dịch về đầu tư, cho vay của Công ty tại Thuyết minh số 37.

- (2) Các khoản ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ của Công ty phát sinh từ năm 2015 trở về trước, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu này từ 31/03/2016.

- (3) Các khoản tiền tạm ứng cho CBCNV cũ của Công ty phát sinh từ trước năm 2015, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi với các khoản phải thu này từ 31/03/2016.

- (4) Khoản góp vốn theo hợp đồng góp vốn đầu tư dự án liên kết thiết bị y tế số 01/TTT-JVC/HĐGV ngày 22/09/2014 để thực hiện đầu tư các dự án liên kết thiết bị y tế tại một số bệnh viện. Công ty xác định không còn thu được lợi ích từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án liên kết thiết bị y tế này và đã trích lập 100% dự phòng tổn thất từ 31/03/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

11. NỢ XẤU

		31/12/2024				01/01/2024			
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Dự phòng
		Năm	VND				Năm	VND	
Phải thu của khách hàng	333.148.163.279		7.419.145.440	(325.729.017.839)		356.590.328.657	31.544.670.651	(325.045.658.006)	
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	95.620.562.655	> 3 năm	-	(95.620.562.655)	> 3 năm	95.620.562.655	-	(95.620.562.655)	
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	> 3 năm	-	(97.904.625.613)	> 3 năm	97.904.625.613	-	(97.904.625.613)	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	> 3 năm	-	(28.031.022.362)	> 3 năm	28.031.022.362	-	(28.031.022.362)	
Công ty TNHH Một Thành Viên 16A	25.496.725.600	> 3 năm	-	(25.496.725.600)	> 3 năm	25.496.725.600	-	(25.496.725.600)	
Các khách hàng khác	86.095.227.049		7.419.145.440	(78.676.081.609)		109.537.392.427	31.544.670.651	(77.992.721.776)	
Trả trước cho người bán	299.244.066.139		4.538.935.487	(294.705.130.652)		284.114.281.181	-	(284.114.281.181)	
JWVB Co., Ltd	190.230.906.514	> 3 năm	-	(190.230.906.514)	> 3 năm	190.230.906.514	-	(190.230.906.514)	
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	> 3 năm	-	(29.872.783.121)	> 3 năm	29.872.783.121	-	(29.872.783.121)	
Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình Y tế	24.725.000.000	> 3 năm	-	(24.725.000.000)	> 3 năm	24.725.000.000	-	(24.725.000.000)	
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Thuốc và Thiết bị Y tế RC	21.080.000.000	> 3 năm	-	(21.080.000.000)	> 3 năm	21.080.000.000	-	(21.080.000.000)	
Các nhà cung cấp khác	33.335.376.504	> 3 năm	4.538.935.487	(28.796.441.017)	> 3 năm	18.205.591.546	-	(18.205.591.546)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

11. NỢ XẤU (tiếp theo)

31/12/2024				01/01/2024			
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Phải thu khác	602.506.821.295	-	(602.506.821.295)		602.506.821.295	-	(602.506.821.295)
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	87.934.458.528	-	(87.934.458.528)	> 3 năm	87.934.458.528	-	(87.934.458.528)
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (ngắn hạn và dài hạn)	426.110.806.472	-	(426.110.806.472)	> 3 năm	426.110.806.472	-	(426.110.806.472)
Ông Lê Văn Hướng	17.940.332.532	-	(17.940.332.532)	> 3 năm	17.940.332.532	-	(17.940.332.532)
Các khoản phải thu	70.521.223.763	-	(70.521.223.763)	> 3 năm	70.521.223.763	-	(70.521.223.763)
Cộng	1.234.899.050.713	11.958.080.927	(1.222.940.969.786)		1.243.211.431.133	31.544.670.651	(1.211.666.760.482)

Giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi bao gồm khoảng 1.108 tỷ đồng giá trị dự phòng của các khoản nợ phải thu khó đòi liên quan tới cá nhân trong Ban lãnh đạo cũ của Công ty, được trích lập trong các năm tài chính 2015 và 2016, Công ty đã công bố giải trình cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 và 2016 được thông qua tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	4.695.208.182	535.338.342.842	11.080.679.317	3.133.831.657	554.248.061.998
Mua sắm, lắp đặt hoàn thành trong năm	-	38.344.766.542	-	592.776.674	38.937.543.216
Thanh lý, nhượng bán	-	(15.843.152.893)	(3.182.532.909)	(292.776.674)	(19.318.462.476)
Giảm khác	-	(876.958.624)	-	-	(876.958.624)
Tại ngày 31/12/2024	4.695.208.182	556.962.997.867	7.898.146.408	3.433.831.657	572.990.184.114
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	1.912.493.457	443.116.450.306	5.168.045.864	1.290.676.392	451.487.666.019
Khấu hao trong năm	939.041.640	31.723.936.787	1.273.927.523	611.624.813	34.548.530.763
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.845.736.428)	(1.143.311.633)	(4.066.343)	(12.993.114.404)
Tại ngày 31/12/2024	2.851.535.097	462.994.650.665	5.298.661.754	1.898.234.862	473.043.082.378
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	2.782.714.725	92.221.892.536	5.912.633.453	1.843.155.265	102.760.395.979
Tại ngày 31/12/2024	1.843.673.085	93.968.347.202	2.599.484.654	1.535.596.795	99.947.101.736
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	-	166.702.023.205	1.465.331.637	347.305.902	168.514.660.744
Nguyên giá TSCĐ đang không sử dụng	-	124.547.829.762	-	-	124.547.829.762
GTCL tài sản thế chấp khoản vay ngân hàng	-	43.956.666.901	2.476.702.513	-	46.433.369.414

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	750.000.000	(750.000.000)	750.000.000	(750.000.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (1)	750.000.000	(750.000.000)	750.000.000	(750.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	140.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG (2)	140.000.000.000	-	-	-
Cộng	140.750.000.000	(750.000.000)	750.000.000	(750.000.000)

- (1) Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Tín (thông tin về công ty liên kết tại thuyết minh số 1.4) với tổng giá trị 750.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 25%. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín nên Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư 100% đối với khoản vốn góp vào Công ty liên kết này từ năm 2017.
- (2) Khoản nhận chuyển nhượng lại phần vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG từ phần vốn góp của cá nhân trong tháng 12/2024 theo các Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/12/2024/NQ-HĐQT-JVC ngày 12/12/2024 và số 24/12/2024/NQ-HĐQT-JVC ngày 24/12/2024. Giá trị phần vốn góp được chuyển nhượng là 56 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 10,75%. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của giao dịch cũng như thường xuyên giám sát hiệu quả đầu tư để đánh giá rủi ro và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá khoản đầu tư được triển khai phù hợp với kế hoạch của Công ty và tuân thủ quy định pháp luật, không có khoản dự phòng tổn thất liên quan nào cần trích lập tại ngày 31/12/2024. Số dự khoản đầu tư chiếm trên 10% so với tổng tài sản trên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét nhưng do các giao dịch chi tiết đều nhỏ hơn 10% tổng tài sản nên Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá không cần thiết phải công bố thông tin Nghị quyết của Hội đồng quản trị về phê duyệt đầu tư theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.666.605.150	4.082.154.514
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	180.028.824	2.198.365.501
Chi phí thuê mặt bằng	848.308.663	1.143.363.700
Các khoản khác	638.267.663	740.425.313
Dài hạn	16.524.418.246	13.191.057.400
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.051.929.859	1.006.586.175
Chi phí sửa chữa tài sản	9.509.922.968	5.045.326.546
Các khoản khác	5.962.565.419	7.139.144.679
Cộng	18.191.023.396	17.273.211.914

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2024	4.795.254.500	4.795.254.500
Mua trong năm	518.745.120	518.745.120
Tại ngày 31/12/2024	5.313.999.620	5.313.999.620
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2024	3.241.430.839	3.241.430.839
Khấu hao trong năm	753.553.956	753.553.956
Tại ngày 31/12/2024	3.994.984.795	3.994.984.795
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	1.553.823.661	1.553.823.661
Tại ngày 31/12/2024	1.319.014.825	1.319.014.825
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	3.422.320.000	3.422.320.000

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí đầu tư Phòng khám tại số 7 Hàng Chuối	1.374.350.000	20.279.127.159
Chi phí đầu tư Phòng khám tại 218 Trần Hưng Đạo	1.574.100.000	18.510.632.432
Chi phí đầu tư Phòng khám tại 163 Hoàng Cầu	577.000.000	-
Chi phí khác	1.713.425.261	-
Cộng	5.238.875.261	38.789.759.591

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả người bán khác	87.795.950.428	87.795.950.428	48.301.589.258	48.301.589.258
Konica Minolta, INC.	16.978.185.518	16.978.185.518	15.790.915.792	15.790.915.792
Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	48.960.720.612	48.960.720.612	23.165.134.121	23.165.134.121
Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh	17.925.060.598	17.925.060.598	-	-
Phải trả người bán khác	3.931.983.700	3.931.983.700	9.345.539.345	9.345.539.345
Cộng	87.795.950.428	87.795.950.428	48.301.589.258	48.301.589.258

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần phòng khám Đa Khoa Sài Gòn - Nam Định	4.892.500.000	-
Bệnh viện Nhi Trung ương	1.797.075.000	-
Bệnh viện Trung ương Quân Đội 108	1.673.264.340	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Tâm Việt	1.330.000.000	-
Sở Y tế tỉnh Quảng Bình	-	1.339.200.000
Các khách hàng khác	1.981.647.260	2.765.731.784
Cộng	11.674.486.600	4.104.931.784

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	133.271.983	113.375.547
Chi phí tư vấn chuyên môn	5.538.465.918	8.756.675.777
Lợi nhuận phải trả theo các hợp đồng hợp tác đầu tư liên kết thiết bị y tế	1.995.208.042	2.255.051.328
Trích trước chi phí bảo trì, sửa chữa, chi phí quản lý thiết bị liên kết	-	245.675.481
Trích trước chi phí hoa hồng kinh doanh	1.341.788.856	8.567.484.146
Các khoản trích trước khác	121.923.669	-
Cộng	9.130.658.468	19.938.262.279

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh, lợi nhuận phải trả theo các hợp đồng hợp tác đầu tư liên kết thiết bị y tế trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các cá nhân, đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2024	
	Số phải thu		Số phải nộp		Số phải nộp		Số phải nộp	
	VND		VND		VND		VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.041.726.738		8.108.747.009		8.516.824.892	-	2.633.648.855
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	243.603.110		243.603.110	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.272.618.365		20.628.655.090		4.765.118.746	-	19.136.154.709
Thuế thu nhập cá nhân	-	535.103.684		6.129.041.602		6.313.759.905	-	350.385.381
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	-	24.655.576		3.394.213.188		104.135.376	4.941.768	3.319.675.156
Cộng	-	6.874.104.363		38.504.259.999		19.943.442.029	4.941.768	25.439.864.101

Ngày 28/02/2025, Cục thuế Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 10159/QĐ-CTHN-TTKT3-XPVPHC ngày 28/02/2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, căn cứ kết quả thanh tra Thuế tại Công ty giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, Công ty đã hạch toán tăng các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu: 6.787.447.171 đồng
- Tăng số thuế GTGT phải nộp: 2.713.321.223 đồng
- Phạt chậm nộp và phạt vi phạm kê khai thuế: 3.319.675.156 đồng

Ngày 06/03/2025, Cục thuế Thành phố Hà Nội có thông báo số: 12685/TB-CTHN-QLN xác nhận tính đến 05/03/2025 Công ty không nợ thuế theo dữ liệu kê khai và hạch toán trên hệ thống.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.561.608.918	2.688.369.013
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	-	3.876.400
Phải trả về nhận góp vốn liên kết	867.104.158	2.323.175.274
Nhận ký quỹ, ký cược	59.500.000	10.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	635.004.760	351.317.339
Dài hạn	-	898.604.166
Phải trả về nhận góp vốn liên kết	-	867.104.166
Nhận ký quỹ, ký cược	-	31.500.000
Cộng	1.561.608.918	3.586.973.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (1)	28.223.155.845	28.223.155.845	50.614.054.739	64.712.806.638	14.124.403.946	14.124.403.946
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (2)	20.143.573.858	20.143.573.858	43.939.915.892	47.090.912.946	16.992.576.804	16.992.576.804
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 (3)	43.359.688.636	43.359.688.636	101.218.000.135	79.936.969.563	64.640.719.208	64.640.719.208
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (4)	-	-	47.366.509.817	21.917.144.721	25.449.365.096	25.449.365.096
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (5)	-	-	8.734.617.834	-	8.734.617.834	8.734.617.834
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (6)	-	-	10.687.002.158	-	10.687.002.158	10.687.002.158
Các khoản vay cá nhân	999.899.000	999.899.000	-	800.000.000	199.899.000	199.899.000
Cộng	92.726.317.339	92.726.317.339	262.560.100.575	214.457.833.868	140.828.584.046	140.828.584.046



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

Thông tin hợp đồng vay như sau:

Hợp đồng vay	Mục đích vay	Hạn mức (VND)	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/6453135/HĐTD ngày 11/07/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	35.000.000.000	05 tháng kể từ ngày nhận nợ	Một số máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty
(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 24/8767425-CTD/017 ngày 13/05/2024	Tài trợ các nhu cầu vay vốn hợp pháp, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	40.000.000.000	06 tháng kể từ ngày nhận nợ	Một số máy móc thiết bị và xe ô tô dưới 09 chỗ ngồi thuộc sở hữu của Công ty
(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 233293.24.002.449769.TD ngày 01/08/2024	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	70.000.000.000	06 tháng kể từ ngày nhận nợ	Một số máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Quyền đòi nợ thuộc sở hữu của Công ty theo các Hợp đồng thế chấp tài sản
(4) Hợp đồng cho vay hạn mức số 05/2024-HĐCVHM/NHCT326-VIETNHAT ngày 15/05/2024	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	100.000.000.000	06 tháng kể từ ngày nhận nợ	- Bất động sản của bên thứ ba - Hệ thống máy chụp cộng hưởng từ MRI 0.4 Tesla, gói phần mềm hệ thống và toàn bộ thiết bị phụ trợ
(5) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng chung số 817/24/TD/SME/011 ngày 16/07/2024 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SĐBS.01/817/24/TD/SME/011 ngày 21/11/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	70.000.000.000	09 tháng kể từ ngày nhận nợ	Bất động sản của bên thứ ba
(6) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 537/2024/HĐTD/ĐO ngày 11/11/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	120.000.000.000	06 tháng kể từ ngày nhận nợ	Không có tài sản đảm bảo

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

31/12/2024	01/01/2024
VND	VND
4.958.559.322	5.452.418.988
4.958.559.322	5.452.418.988

Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hoá

Cộng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252	(1.099.986.419.823)		190.835.463	446.705.689.742	
Lãi trong năm	-	-	-	-	52.634.383.612		5.458.785	52.639.842.397	
Tại ngày 01/01/2024	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252	(1.047.352.036.211)		196.294.248	499.345.532.139	
Lãi trong năm	-	-	-	-	40.282.230.794		53.865.267	40.336.096.061	
Tại ngày 31/12/2024	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252	(1.007.069.805.417)		250.159.515	539.681.628.200	

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024			01/01/2024		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Quản lý và Đầu tư DTN Việt Nam	17.000.000	170.000.000.000	15,11%	17.000.000	170.000.000.000	15,11%
Các cổ đông khác	95.500.171	955.001.710.000	84,89%	95.500.171	955.001.710.000	84,89%
Cộng	112.500.171	1.125.001.710.000	100%	112.500.171	1.125.001.710.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.500.171	112.500.171	112.500.171	112.500.171
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.500.171	112.500.171	112.500.171	112.500.171
- Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171	112.500.171	112.500.171
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	112.500.171	112.500.171	112.500.171	112.500.171
- Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171	112.500.171	112.500.171
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu				

25. CÁC KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	100,00	100,00

Nợ khó đòi đã xử lý (*)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	61.062.760.399	61.062.760.399
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thái Bình	1.681.893.883	1.681.893.883
Công ty TNHH Đầu tư chuyển giao công nghệ Cuộc Sống Hạ Long	1.262.719.745	1.262.719.745
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	11.720.249.698	11.720.249.698
Công ty TNHH Dược phẩm Trảng An	2.546.920.463	2.546.920.463
Công ty TNHH Một thành viên 16A	1.451.900.001	1.451.900.001
Công ty TNHH Đầu tư trang thiết bị Đại Dương	364.320.200	364.320.200
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	33.792.574.163
Doanh nghiệp tư nhân Việt Hoa	951.280.000	951.280.000
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư thương mại Thiên Ân	1.061.000.000	1.061.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Phong Hòa	2.312.795.365	2.312.795.365
Công ty Cổ phần Vinaco Đông Dương	1.099.345.000	1.099.345.000
Công ty TNHH Y khoa Bạch Mai	960.953.000	960.953.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nhật Tín	61.780.000	61.780.000
Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê	664.166.986	664.166.986
Trung tâm y tế huyện Thanh Ba	594.014.849	594.014.849
Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn	536.847.046	536.847.046
Trả trước cho người bán	14.944.250.000	14.944.250.000
Pt. Japan Asian Medical	3.034.250.000	3.034.250.000
Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình y tế	11.910.000.000	11.910.000.000
Phải thu khác	16.666.407.839	16.666.407.839
Bà Đặng Thị Hà Giang	1.100.000.000	1.100.000.000
Ông Lê Văn Giáp	1.483.913.224	1.483.913.224
Bà Lê Thu Huyền	4.506.284.000	4.506.284.000
Ông Mai Hữu Hiếu	6.155.000.000	6.155.000.000
Ông Ngô Văn Hùng	453.000.000	453.000.000
Ông Vũ Quốc Hoàn	157.947.000	157.947.000
Bà Phạm Thị Thanh Xuân	400.000.000	400.000.000
Bà Trần Thị Quỳnh Trang	110.986.215	110.986.215
Ông Mai Hữu Nghiêm	1.689.277.400	1.689.277.400
Ông Lưu Xuân Hạ	360.000.000	360.000.000
Bà Nguyễn Phương Hạnh	250.000.000	250.000.000

(*) Các khoản nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng nợ phải thu với tỷ lệ 100%, được đánh giá không có khả năng thu hồi và đưa ra theo dõi ngoại bảng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0605/2022/NQ-HĐQT ngày 06/05/2022.

26. DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	493.256.308.930	453.787.195.795
Doanh thu hoạt động liên kết thiết bị y tế	67.729.349.216	88.990.781.307
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.690.782.107	33.987.311.757
Cộng	611.676.440.253	576.765.288.859
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	135.980.952	413.595.906
Chiết khấu thương mại	-	64.537.148
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	611.540.459.301	576.287.155.805

Doanh thu với bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tasco	437.142.690	87.936.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	-	98.480.000
Cộng	437.142.690	186.416.000

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	389.582.395.986	356.666.288.707
Giá vốn hoạt động liên kết thiết bị y tế	41.576.377.138	48.573.602.984
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	35.793.217.661	28.320.272.967
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.983.251.029)	3.863.550.030
Cộng	463.968.739.756	437.423.714.688

28. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.909.220.826	6.508.047.728
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính (*)	18.048.979.178	10.094.133.197
Lãi từ hoạt động đầu tư trái phiếu	-	4.659.890.411
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.209.729.785	2.880.887.433
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	509.484.551	-
Cộng	27.677.414.340	24.142.958.769

(*) Là khoản lãi của các hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính Công ty đã thanh lý trong kỳ - chi tiết tại Thuyết minh số 10, Mục (1).

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.437.218.352	5.291.623.181
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	824.291.719	302.295.195
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	699.197.274
Cộng	6.261.510.071	6.293.115.650

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	62.073.875.028	69.946.367.925
Chi phí nhân công	27.945.311.541	28.568.317.448
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	790.895.046	754.674.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.898.230.883	6.935.143.623
Chi phí khác	27.439.437.558	33.688.232.643
Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.988.223.987	41.609.396.833
Chi phí nhân công	19.329.704.154	21.879.973.108
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	519.634.202	612.340.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.423.192.400	1.991.686.320
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	11.274.209.304	(783.153.358)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.618.456.286	6.863.144.967
Chi phí khác	10.823.027.641	11.045.405.525
Cộng	111.062.099.015	111.555.764.758

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, vật tư, công cụ dụng cụ	-	3.103.084.841
Nhận hỗ trợ, thưởng từ nhà cung cấp	8.882.887.961	6.533.059.726
Các khoản khác	45.102.147	1.806.082.470
Cộng	8.927.990.108	11.442.227.037

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động kinh doanh	460.134.624	460.134.624
Các khoản phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	6.090.743.529	46.462.342
Giá trị còn lại của tài sản hỏng	605.721.499	-
Lỗ thanh lý TSCĐ, vật tư, công cụ dụng cụ	446.333.491	-
Các khoản khác	385.572.875	168.877.621
Cộng	7.988.506.018	675.474.587

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công ty mẹ	20.624.667.222	3.482.618.365
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật.	3.987.868	-
Cộng	20.628.655.090	3.482.618.365

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận phần bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.336.096.061	52.639.842.397
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cổ phiếu phổ thông	40.336.096.061	52.639.842.397
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	112.500.171	112.500.171
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	359	468

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.305.438.591	12.362.820.685
Chi phí nhân công	57.130.653.075	60.492.383.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.605.803.604	46.993.967.442
Chi phí dự phòng	7.104.498.328	(783.153.358)
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	65.837.727.292	71.581.847.880
Cộng	188.984.120.890	190.647.865.918

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền trong tương lai Công ty phải trả theo các hợp đồng thuê văn phòng, thuê kho là:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	6.719.293.551	8.839.825.536
Trên 1 năm đến 5 năm	12.402.778.579	22.197.556.871
Trên 5 năm	8.336.583.000	10.070.802.202
Cộng	27.458.655.130	41.108.184.609

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Nội dung	Năm 2024		Năm 2023	
	Chi	Thu	Chi	Thu
Dòng tiền cho vay, mua/thu hồi các công cụ nợ của đơn vị khác (*)	VND (511.200.000.000)	VND 379.310.000.000	VND (369.100.200.000)	VND 479.303.461.481
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	(179.900.000.000)	120.200.000.000	(66.500.000.000)	65.984.228.604
Công ty Cổ phần VII	(61.000.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp và Thương mại Tâm An (trước đây là Công ty Cổ phần Khám chữa bệnh Tâm An)	(64.700.000.000)	60.000.000.000	(115.900.000.000)	115.900.000.000
Cho vay				
Hợp tác đầu tư,	(76.300.000.000)	69.100.000.000	(57.900.000.000)	57.900.000.000
Cho vay				
Công ty Cổ phần Đầu tư Nghệ thuật Thảo Nguyên	(50.150.000.000)	-	-	-
Các đối tượng khác	(79.150.000.000)	129.950.000.000	(128.800.000.000)	183.519.232.877
Cho vay				
Đầu tư trái phiếu	-	-	-	56.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	60.000.000	(200.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(140.000.000.000)	-	-	-
Nhận chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	(140.000.000.000)	-	-	-
Cộng	(651.200.000.000)	379.310.000.000	(369.100.200.000)	479.303.461.481

(*) Hoạt động đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính, cho vay được thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm, đối tác là các bên có quan hệ kinh tế/công việc thường xuyên, có phát sinh giao dịch lớn về tài chính với Công ty hàng năm.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty xác định các giao dịch được xác lập tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của giao dịch, giám sát tiến độ và hiệu quả của các hoạt động đầu tư để đánh giá rủi ro và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động đầu tư nêu trên của Công ty tại ngày 31/12/2024.

Thuyết minh này cần được xem cùng với Thuyết minh số 8 - Phải thu về cho vay ngắn hạn, Thuyết minh số 10 - Phải thu ngắn hạn khác và Thuyết minh số 13 - Đầu tư tài chính dài hạn.

38. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Quản lý và Đầu tư DTN Việt Nam	Cổ đông lớn của Công ty
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	Góp vốn đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dược phẩm Trung Dũng	Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Công ty Cổ phần Tasco	Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Công ty Cổ phần Du thuyền SVC	Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Công ty Cổ phần Du thuyền Savico Đà Nẵng	Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Công ty TNHH Toyota Tây Ninh	Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Bên liên quan của người nội bộ Công ty

Ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, Công ty còn số dư, giao dịch với các bên liên quan như sau:

Số dư với bên liên quan:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự phòng phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Tasco	6.595.200	4.688.000

Giao dịch với bên liên quan:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí khác		
Công ty Cổ phần Tasco	100.218.928	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Hải Hà	Chủ tịch HĐQT	114.000.000	51.677.000
Ông Phạm Thanh Nam	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	1.583.205.009	1.752.112.105
Ông Lê Minh Chung	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Đã miễn nhiệm năm 2023)	-	450.270.366
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	1.765.670.000	2.157.359.000
Ông Nguyễn Thị Phương	Thành viên HĐQT	468.328.007	69.628.501
Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 13/06/2024)	33.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 13/06/2024)	27.000.000	60.000.000
Ông Vũ Văn Toàn	Phó Tổng giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 02/05/2024)	737.242.888	-
Ông Bùi Tuấn Duy	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/06/2024)	570.187.293	970.157.830
Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa	Phó Tổng giám đốc	1.968.373.007	1.448.691.884
Cộng		7.267.006.204	6.959.896.686

39. THÔNG TIN KHÁC

Thù lao Ban kiểm soát Công ty chi trả trong năm là:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	40.500.000
Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Tiến Chi	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	27.000.000
Cộng		84.000.000	94.500.000

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 28/02/2025, Cục thuế Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 10159/QĐ-CTHN-TTKT3-XPVPHC ngày 28/02/2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, căn cứ kết quả thanh tra Thuế tại Công ty giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, Công ty đã hạch toán tăng các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 - Xem chi tiết tại Thuyết minh số 20.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Một số dữ liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp và đảm bảo khả năng so sánh với các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này. Chi tiết như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Tại ngày 31/12/2023	Mã số	Số liệu công bố	Số liệu	Ảnh hưởng
		VND	trình bày lại VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	552.139.959.503	552.139.959.503	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	114.640.100.000	240.100.000	(114.400.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	114.640.100.000	240.100.000	(114.400.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	230.664.101.397	345.064.101.397	114.400.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	491.844.566.905	606.244.566.905	114.400.000.000

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập



Nguyễn Thị Lụa

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Cương

Tổng giám đốc



Phạm Thanh Nam